

Tp.HCM, ngày 13 tháng 07 năm 2026.

BẢN GIẢI TRÌNH CHỈNH SỬA SAU BẢO VỆ CẤP TRƯỜNG

Họ tên nghiên cứu sinh: **UNG SƠN KHÔI**.

Khóa: 2020.

Ngành: QTKD

Tên đề tài: **Tác động của vốn tri thức, quản lý chất lượng toàn diện đến hiệu quả kinh doanh thông qua năng lực đổi mới ngành khách sạn Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người hướng dẫn khoa học: **TS. HUỖNH THANH TÚ**

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS PHẠM NGỌC DƯỠNG**

NỘI DUNG GIẢI TRÌNH

I. Góp ý của Phản biện 1: TS. BẢO TRUNG		
Nội dung góp ý	Giải trình chỉnh sửa	Trang, mục
Rà soát lại lỗi hình thức và chính tả	NCS đã rà soát và điều chỉnh.	Toàn bộ Luận án.
Rà soát văn phong	NCS đã rà soát và điều chỉnh.	
Cần biện luận thêm việc tách vốn nhân lực, vốn cấu trúc, vốn xã hội và vốn công nghệ	NCS đã bổ sung	Trang 29 Mục 2.2.1
Cần làm rõ tính đặc thù của các thành phần vốn tri thức đối với ngành khách sạn.	NCS đã bổ sung	Trang 4 - 5 Mục 1.1.1
Nội dung thực trạng ngành khách sạn Tp.HCM và thảo luận kết quả nghiên cứu chưa làm rõ phân hóa lớn về quy mô, loại hình khách sạn lớn, tập đoàn nước ngoài.	NCS đã bổ sung	Trang 92-93 Mục 4.1
Xem xét phân tích đa nhóm hoặc đưa vào phần hạn chế của luận án về quy mô, hình thức sở hữu,.... Tác động đến hiệu quả kinh doanh.	NCS đã điều chỉnh và bổ sung.	Trang 170 Mục 5.4.1
Hàm ý quản trị nên gắn liền với thực tiễn ngành khách sạn tại Tp.HCM	NCS đã điều chỉnh và bổ sung.	Trang 142 -166 Mục 5.2
II. Góp ý của Phản biện 2: PGS.TS CẢNH CHÍ HOÀNG		
Nội dung góp ý	Giải trình chỉnh sửa	Trang, mục

Số liệu GDP, tổng thu du lịch,..... cần được dẫn nguồn học thuật rõ hơn Xem xét cập nhật dữ liệu	Dữ liệu nghiên cứu của chương 1 được dựa trên thông tin trên Báo Điện tử Chính phủ, trang thông tin điện tử của Bộ Văn Hóa, Thể thao và Du lịch, ...là nơi cung cấp thông tin có độ tin cậy, uy tín cao và chính thống của Chính phủ, Cơ quan quản lý du lịch,.. Nghiên cứu sinh (NCS) có đối chiếu và tổng hợp thông tin để đưa ra nhận định. Hiện nay, thông tin tiếp cận trên các văn bản báo cáo ban hành rất hạn chế,... Vì vậy, NCS đề nghị giữ nguyên các nguồn dữ liệu từ các trang thông tin điện tử này. NCS đã tiến hành cập nhật dữ liệu.	Trang 1 - 5 Mục 1.1.1
Xem lại cách diễn đạt để tránh chồng lấn giữa mục tiêu trực tiếp và mục tiêu trung gian (trang 7)	NCS đã điều chỉnh	Trang 8 Mục 1.2
Giải thích rõ tiêu chí “ Có triển khai TQM”, nếu dựa vào tự khai báo, cần nêu ở phần hạn chế.	NCS đã bổ sung tại phần đối tượng khảo sát.	Trang 9 - 10 Mục 1.4.1
Phạm vi thời gian: cần nêu cụ thể	NCS đã điều chỉnh	Trang 10 Mục 1.4.2
Phương pháp chọn mẫu thuận tiện cần nhìn nhận đây là một hạn chế và nêu cách giảm thiểu hạn chế này ở chương 3.	NCS đã bổ sung và điều chỉnh.	Trang 90 Mục 3.3.3
Mục 1.6 nên sửa thành “ kết cấu luận án”	NCS đã điều chỉnh	Trang 12 Mục 1.6
Chương 1 nên bổ sung đoạn ngắn về đóng góp kỳ vọng về lý thuyết và thực tiễn.	Phần này NCS đã trình bày ở chương 5. Đề nghị không bổ sung thêm.	
Lý thuyết nền nên viết gọn lại.	NCS đã rà soát và điều chỉnh.	Trang 14 -25 Mục 2.1
Cần lập luận thêm vì sao chọn vốn nhân lực, vốn cấu trúc, vốn xã hội và vốn công nghệ là phù hợp với ngành khách sạn Tp.HCM	NCS đã bổ sung	Trang 29 Mục 2.2.1
Trong 7 thành phần của TQM. Cách làm các khái niệm để tránh chồng lấn nội dung	NCS đã điều chỉnh	Trang 42-44 Mục 2.2.2.6

Việc đề lược khảo ở phần phụ lục làm giảm sức thuyết phục ở chương 2	Lược khảo ở phần phụ lục nhằm cô đọng nội dung phân tích, tránh trình bày dài dòng. NCS đã bổ sung nội dung phân tích phần lược khảo mang thuyết phục hơn.	Trang 48-51 Mục 2.3
Cần bổ sung bảng tóm tắt nghiên cứu liên quan trong phần tổng quan và khoảng trống.	Bảng tóm tắt nghiên cứu được đề ở phần phụ lục nhằm cô đọng nội dung phân tích, tránh trình bày dài dòng. NCS đề nghị không bổ sung.	
Các giả thuyết cần viết ngắn, cô đọng lại	NCS đã rà soát và điều chỉnh	Trang 54-60 Mục 2.5.1
Cần rà soát và thống nhất thuật ngữ.	NCS đã rà soát và điều chỉnh	Toàn bộ Luận án.
Cần rà soát cách diễn đạt: về tính mới.	NCS đã rà soát và điều chỉnh	Toàn bộ Luận án.
Xem xét lại cách thống nhất đánh số hình	NCS đã rà soát và điều chỉnh	Toàn bộ Luận án.
Cần bổ sung tiêu chí lựa chọn chuyên gia và phương pháp phân tích dữ liệu định tính	NCS đã rà soát và điều chỉnh	Trang 66-67 Mục 3.1.1
Việc khảo sát sơ bộ cần giải thích nguyên nhân loại bỏ 56 phiếu. Ngoài ra, cần làm rõ nguyên tắc nào để quyết định xác định mẫu chính thức.	NCS đã rà soát và điều chỉnh	Trang 81-82 Mục 3.2.6
Cần bổ sung thảo luận về thiên lệch và phương pháp chung.	NCS đã rà soát và bổ sung	Trang 98-99 Mục 4.2.2
Cần thảo luận sâu hơn về khả năng kết quả phản ánh khách sạn vừa và nhỏ.	NCS đã rà soát và điều chỉnh	Trang 122-138 Mục 4.5.2
Cần làm rõ phương pháp phân tích cấu trúc bậc 2.	NCS đã bổ sung.	Trang 109 Mục 4.4
Rà soát cách diễn đạt số liệu R2 và f2, lỗi trình bày” hệ số tải ngoài >0,007”	NCS đã điều chỉnh	Trang 121 Mục 4.5.1
Nên tập trung thảo luận dựa trên giả thuyết	NCS đã điều chỉnh	Trang 122-138 Mục 4.5.2
Bổ sung thêm phần hạn chế nghiên cứu	NCS đã bổ sung.	Trang 170 Mục 5.4.1
Cần giải thích nguyên nhân tỷ lệ kết quả thu về phiếu hợp lệ trong khảo sát sơ bộ để cải thiện cho các đợt khảo sát sau.		Trang 81 - 82 Mục 3.2.6

Trang 86 nên sửa câu lấy 530 theo phương pháp mẫu thuận tiện mang tính đại diện thành đáp ứng yêu cầu về kích thước mẫu.		Trang 89 Mục 3.3.2
Mô tả thực trạng ngành khách sạn Tp.HCM cần gắn với các biến nghiên cứu liên quan vốn công nghệ, nhân lực, TQM,...		Trang 92- 96 Mục 4.1
Phản biện 3: PGS.TS HUỖNH QUANG LINH		
Sự cần thiết còn dãn trải, thiên về mô tả bối cảnh chung, chưa nhấn mạnh rõ vấn đề nghiên cứu cốt lõi.	NCS đã rà soát và điều chỉnh	Trang 1-8 Mục 1.1
Mối liên hệ giữa thực tiễn ngành khách sạn và các biến nghiên cứu còn chưa chặt chẽ, cần thêm dẫn chứng thực tiễn.	NCS đã rà soát và điều chỉnh	Trang 92- 96 Mục 4.1
Cần tăng tính logic giữa bối cảnh thực tiễn, khoảng trống nghiên cứu và mục tiêu nghiên cứu để làm rõ tính cấp thiết.	NCS đã rà soát và điều chỉnh	Trang 1-5 Mục 1.1.1
Mục tiêu nghiên cứu còn diễn đạt chung chung, chưa làm nổi bật đóng góp mới và trọng tâm học thuật của luận án.	NCS đã rà soát và điều chỉnh	Trang 8 Mục 1.2
Mối liên hệ giữa mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu chưa tương xứng, đặc biệt phần hàm ý quản trị chưa thể hiện rõ mục tiêu nghiên cứu.	NCS đã rà soát và điều chỉnh	Trang 8-9 Mục 1.2 và 1.3
Câu hỏi nghiên cứu còn dài và mang tính mô tả, cần diễn đạt ngắn gọn, rõ trọng tâm và bám sát mô hình nghiên cứu.	NCS đã rà soát và điều chỉnh	Trang 8 -9 Mục 1.3
Nên làm rõ mối quan hệ lý thuyết giữa vốn trí thức và quản lý chất lượng toàn diện trong phần cơ sở lý thuyết.	NCS đã bổ sung	Trang 24-25 Mục 2.1
Tăng cường so sánh kết quả nghiên cứu với các nghiên	NCS đã rà soát và bổ sung	Trang 122-138 Mục 4.5.2

cứu quốc tế để làm nổi bật hơn giá trị học thuật.		
Phần hàm ý quản trị còn khá dài và mang tính khái quát, cần cụ thể hóa hơn để nâng cao tính ứng dụng thực tiễn cho doanh nghiệp khách sạn.	NCS đã rà soát và điều chỉnh	Trang 142 -166 Mục 5.2
Rà soát và thống nhất cách trình bày bảng biểu , lỗi chính tả và chuẩn hóa cách viết thuật ngữ chuyên ngành trong toàn bộ luận án.	NCS đã rà soát và điều chỉnh	Toàn bộ Luận án.
Ủy viên: PGS.TS TỪ VĂN BÌNH		
Bối cảnh lý thuyết cần gia tăng hàm lượng khoa học, cần khai thác các tạp chí gần đây	NCS đã bổ sung và điều chỉnh.	Trang 6-7 Mục 1.1.2
Nội dung câu hỏi khảo sát về vốn công nghệ còn khá chung chung.	Do đặc điểm của ngành khách sạn có nhiều ứng dụng công nghệ cho các yêu cầu, quy mô khác nhau của các khách sạn nên không thể nêu cụ thể. NCS đề nghị giữ nguyên nội dung câu hỏi khảo sát.	
Cần xác định rõ hơn đối tượng khảo sát.	NCS đã rà soát và bổ sung.	
Các đóng góp cần gắn liền với lý thuyết cụ thể.	NCS đã rà soát và bổ sung.	Trang 167-169 Mục 5.3.1
Cần so sánh kết quả nghiên cứu với các nghiên cứu trước đây.	NCS đã rà soát và bổ sung.	Trang 122-138 Mục 4.5.2
Ủy viên: PGS.TS NGUYỄN NGỌC LONG		
Lý thuyết nền được trình bày khá nhiều nhưng chưa thể hiện tính kết nối giữa lý thuyết chính và lý thuyết hỗ trợ.	NCS đã bổ sung và điều chỉnh.	Trang 24-25 Mục 2.1.4
Cần làm rõ lý do dùng 7 nhân tố thành phần để tạo nên nhân tố TQM.	NCS đã bổ sung	Trang 36 Mục 2.2.2
Tính mới của nghiên cứu tập trung vào vai trò trung gian, nhưng VAF<20% thì kết quả tính dẫn truyền không đáng kể.NCS cần xem xét lại.	NCS đã rà soát và bổ sung.	Trang 116 -117 Mục 4.4.4.2

Thang đo được tham khảo từ một luận án thì ít đảm bảo tính vững chắc và uy tín.	NCS chủ yếu dùng thang đo từ các nghiên cứu nước ngoài có liên quan. Tuy nhiên, trong đó có thang đo tham khảo từ luận án Tiến sĩ đã được công bố của trường ĐH Kinh Tế Tp.HCM là đơn vị đào tạo bậc Tiến sĩ có uy tín, được công nhận tại Việt Nam, được sử dụng như 1 cơ sở tham chiếu thực tiễn tại Việt Nam. Vì vậy, NCS nhận thấy có đủ cơ sở đảm bảo tính bền vững và uy tín, đề nghị giữ nguyên.	
Cần lưu ý nội dung nguyên bản của thang đo gốc khi dịch và trước khi chỉnh sửa để đảm bảo chất lượng.	NCS đã rà soát	Phụ lục 3
Mẫu khảo sát tập trung vào các doanh nghiệp đã triển khai TQM nhưng không làm rõ tiêu chí lựa chọn.	NCS đã bổ sung tại phần đối tượng khảo sát.	Trang 9-10 Mục 1.4.1
NCS không khai báo lấy mẫu bao nhiêu, loại bỏ bao nhiêu và giữ lại bao nhiêu.	NCS đã rà soát và các khai báo đã được thực hiện trong luận án.	Trang 81 Mục 3.2.6 Trang 89 Mục 3.3.2
Nếu doanh nghiệp đã triển khai TQM rồi thì dẫn đến tính đương nhiên của kết quả nghiên cứu	Mục tiêu nghiên cứu liên quan đến tác động của TQM đến INC và BP nên việc khảo sát các doanh nghiệp đã triển khai TQM là cần thiết để có cơ sở đánh giá.	
Cần rà soát lại trích dẫn	NCS đã rà soát và điều chỉnh theo APA7	Toàn bộ Luận án.
Cần xác định lại chiều hướng tác động của giả thuyết.	NCS đã rà soát và điều chỉnh.	Trang 54-60 Mục 2.5.1 Trang 62 Bảng 2.2
Hoàn thiện hình thức của luận án.	NCS đã rà soát và điều chỉnh.	Toàn bộ Luận án.
Ủy viên thư ký: TS. TÔ ANH THƠ		
Cần lập luận thuyết phục và thận trọng hơn cho các khoảng trống nghiên cứu.	NCS đã rà soát và điều chỉnh.	Trang 51-54 Mục 2.4
Xác định bản chất đo lường của IC và TQM	NCS đã rà soát và bổ sung.	Trang 109 Mục 4.4
Giải quyết mẫu thuận giữ kết quả trung gian có ý nghĩa thống kê và $VAF < 20\%$	NCS đã rà soát và bổ sung.	Trang 116 -117 Mục 4.4.4.2
Cần sửa kết luận H5 và H7 theo hướng “tác động gián tiếp và có ý nghĩa nhưng vai	NCS đã giải thích tại mục 4.4.4.2, đề nghị vẫn giữ nguyên kết luận giả thuyết H5 và H7	

trò trung gian yếu/ không đáng kể về mức độ thực tiễn”		
Bổ sung kiểm định thiên lệch do phương pháp chung	NCS đã bổ sung	Trang 98-99 Mục 4.2.2
Chuẩn hóa APA7 toàn bộ trích dẫn và tài liệu tham khảo.	NCS đã rà soát và điều chỉnh.	Toàn bộ Luận án
Chỉnh sửa các lỗi hình thức trình bày	NCS đã rà soát và điều chỉnh.	Toàn bộ Luận án
Chủ Tịch PGS.TS HUỖNH THỂ NGUYỄN		
Cần làm rõ các khái niệm		
Chu trình PDCA của Deming không phải là một lý thuyết nền	NCS sử dụng lý thuyết Deming, trong lý thuyết này có chu trình PDCA, hệ thống 14 nguyên lý quản trị, triết lý cải tiến liên tục, tư duy hệ thống, quản lý chất lượng dựa trên phòng ngừa hơn là kiểm tra. Lý thuyết Deming có thể được xem là một lý thuyết nền (theoretical foundation) hoặc lăng kính lý thuyết (theoretical lens) để giải thích vai trò của quản lý chất lượng đối với hiệu quả hoạt động của tổ chức. Trong nghiên cứu quản trị có hai nhóm lý thuyết lớn: 1. Lý thuyết giải thích (Explanatory Theory) Ví dụ: • Resource-Based View • Knowledge-Based View • Dynamic Capabilities Theory Các lý thuyết này giải thích: vì sao doanh nghiệp đạt lợi thế cạnh tranh. 2. Lý thuyết chuẩn tắc (Normative Theory) Ví dụ: • Deming Theory • Juran Quality Theory • Crosby Quality Management Theory Các lý thuyết này hướng dẫn: tổ chức nên quản trị như thế nào để đạt chất lượng và hiệu quả cao hơn. Lý thuyết Deming được xem lý thuyết quản trị chuẩn tắc (normative theory). NCS đề nghị giữ nguyên lý thuyết Deming trong phần lý thuyết nền của luận án.	

Cần xem lại cách đặt giả thuyết	NCS đã rà soát và điều chỉnh.	Trang 54-60 Mục 2.5.1
Thang đo cần xem xét lại	NCS đã rà soát và điều chỉnh.	Trang 73 Mục 3.2.4
Cần biện luận hợp lý về mẫu nghiên cứu	NCS đã rà soát và điều chỉnh.	Trang 89-90 Mục 3.3.2-3.3.3

NGƯỜI HƯỚNG DẪN 1

NGƯỜI HƯỚNG DẪN 2

NGHIÊN CỨU SINH

TS. HUỖNH THANH TÚ

PGS.TS PHẠM NGỌC DƯỠNG

ThS. UNG SƠN KHÔI

CHỮ KÝ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PGS.TS HUỖNH THẾ NGUYỄN